

Hà t«n thŉ sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. Thời gian sinh trưởng và phát triển
B. Thời gian sinh trưởng
C. Thời gian tiềm phát
D. Thời gian một thế hệ

Câu 2: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. lên men lactic. B. lên men rượu. C. phân giải pôlisacarit. D. phân giải prôtêin.

Câu 3: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật.
B. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật.
C. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật.
D. thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.

Câu 4: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. kéo dài màng tế bào.
B. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào. .
C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
D. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.

Câu 5: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. 6 B. 5 C. 7 D. 4

Câu 6: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. Muối dưa, cà B. Tạo rượu C. Làm sữa chua D. Làm giấm

Câu 7: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 32. B. 64. C. 128. D. 16.

Câu 8: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.
B. thừa chất độc hại thiếu ôxi.
C. thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại.
D. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại.

Câu 9: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì đầu của giảm phân I. B. kì đầu của nguyên phân.
C. kì đầu của giảm phân II. D. kì cuối của giảm phân II.

Câu 10: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. quang dị dưỡng. B. quang tự dưỡng. C. hoá tự dưỡng. D. hoá dị dưỡng.

Câu 11: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, en zim cảm ứng được hình thành ở pha

- A. lũy thừa. B. suy vong. C. tiềm phát. D. cân bằng.

Câu 12: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 8 loại giao tử B. 2 loại giao tử C. 4 loại giao tử D. 16 loại giao tử.

Câu 13: Tại sao trâu bò đồng hóa được rơm rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzym phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
B. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
C. Vì trong rơm rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.
D. Vì trâu bò là động vật nhai lại.

Câu 14: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 6. B. 7. C. 5. D. 4.

Câu 15: Tụ cầu vàng sinh trưởng được môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. tổng hợp. B. tự nhiên. C. bán tự nhiên. D. bán tổng hợp.

Câu 16: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. **tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.**
- B. hoạt tính enzim trong tế bào vi khuẩn.
- C. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
- D. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.

Câu 17: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
- B. **cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.**
- C. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.
- D. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.

Câu 18: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.
- B. **nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.**
- C. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.
- D. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.

Câu 19: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.
- B. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử.
- C. **một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử.**
- D. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.

Câu 20: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyên hoá sơ cấp.
- B. chuyên hoá thứ cấp.
- C. **cần thiết cho sự sinh trưởng.**
- D. chuyên hoá sơ cấp và thứ cấp.

Câu 21: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. **Nội bào tử.**
- B. Bào tử hữu tính.
- C. Bào tử đốt.
- D. Ngoại bào tử.

Câu 22: Ứng dụng nào sau đây **không phải** của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất gồm sinh học.
- B. Sản xuất axit amin
- C. Sản xuất sinh khối
- D. **Cải thiện công nghiệp thuộc da**

Câu 23: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu ?

- A. **20 phút**
- B. 40 phút
- C. 120 phút
- D. 60 phút

Câu 24: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. **có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.**
- B. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- C. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- D. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.

Câu 25: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. chất vô cơ và CO₂.
- B. chất hữu cơ.
- C. **ánh sáng và chất hữu cơ.**
- D. ánh sáng và CO₂.

Câu 26: Ở người (2n = 46), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 46 NST đơn.
- B. 46 NST kép.
- C. 23 NST đơn.
- D. **92 NST đơn.**

Câu 27: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.
- B. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
- C. **gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.**
- D. tăng hoạt tính enzim.

Câu 28: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic, O₂ và CO₂.
- B. **axit lactic, etanol, axit axetic, CO₂.**
- C. axit lactic và O₂.
- D. axit lactic và CO₂.

Câu 29: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được đính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 1, 3, 6
- B. 3, 4, 6
- C. 2, 3, 4
- D. **1, 3, 5**

Câu 30: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 22 tế bào con.
- B. 64 tế bào con.
- C. **48 tế bào con.**
- D. 17 tế bào con.

SỐ SÈ: 591

Hà tên thí sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. kéo dài màng tế bào.
- B. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.
- C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
- D. **thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào.**

Câu 2: Ứng dụng nào sau đây **không phải** của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất gồm sinh học.
- B. **Cải thiện công nghiệp thuộc da**
- C. Sản xuất sinh khối
- D. Sản xuất axit amin

Câu 3: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. **Làm giấm**
- B. Muối dưa, cà
- C. Làm sữa chua
- D. Tạo rượu

Câu 4: Tự cầu vàng sinh trưởng được trong môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. **bán tổng hợp.**
- B. bán tự nhiên.
- C. tổng hợp.
- D. tự nhiên.

Câu 5: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. lên men lactic.
- B. phân giải polisacarit.
- C. **phân giải prôtêin.**
- D. lên men rượu.

Câu 6: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được đính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 1, 3, 6
- B. **1, 3, 5**
- C. 2, 3, 4
- D. 3, 4, 6

Câu 7: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. Bào tử hữu tính.
- B. **Nội bào tử.**
- C. Ngoại bào tử.
- D. Bào tử đốt.

Câu 8: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
- B. **có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.**
- C. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.
- D. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.

Câu 9: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
- B. **tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.**
- C. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.
- D. hoạt tính enzim trong tế bào vi khuẩn.

Câu 10: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật.
- B. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật.
- C. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật.
- D. **thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.**

Câu 11: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 8 loại giao tử
- B. 16 loại giao tử.
- C. **2 loại giao tử**
- D. 4 loại giao tử

Câu 12: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. Thời gian tiềm phát
- B. Thời gian sinh trưởng
- C. Thời gian sinh trưởng và phát triển
- D. **Thời gian một thế hệ**

Câu 13: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
- B. **gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.**
- C. tăng hoạt tính enzim.
- D. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.

Câu 14: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. ánh sáng và CO₂.
- B. chất vô cơ và CO₂.
- C. chất hữu cơ.
- D. **ánh sáng và chất hữu cơ.**

Câu 15: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyển hoá thứ cấp.
- B. chuyển hoá sơ cấp.
- C. chuyển hoá sơ cấp và thứ cấp.
- D. cần thiết cho sự sinh trưởng.

Câu 16: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
- B. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.
- C. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.
- D. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.

Câu 17: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. hoá dị dưỡng.
- B. quang tự dưỡng.
- C. hoá tự dưỡng.
- D. quang dị dưỡng.

Câu 18: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.
- B. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử.
- C. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.
- D. một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử.

Câu 19: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 5.
- B. 7.
- C. 4.
- D. 6.

Câu 20: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 128.
- B. 64.
- C. 32.
- D. 16.

Câu 21: Tại sao trâu bò đồng hóa được rơm rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì trâu bò là động vật nhai lại.
- B. Vì trong rơm rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.
- C. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzym phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
- D. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.

Câu 22: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic và CO_2 .
- B. axit lactic, O_2 và CO_2 .
- C. axit lactic và O_2 .
- D. axit lactic, etanol, axit axetic, CO_2 .

Câu 23: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.
- B. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.
- C. nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.
- D. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.

Câu 24: Ở người ($2n = 46$), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 23 NST đơn.
- B. 92 NST đơn.
- C. 46 NST đơn.
- D. 46 NST kép.

Câu 25: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. 6
- B. 4
- C. 5
- D. 7

Câu 26: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 48 tế bào con.
- B. 17 tế bào con.
- C. 22 tế bào con.
- D. 64 tế bào con.

Câu 27: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu?

- A. 20 phút
- B. 120 phút
- C. 60 phút
- D. 40 phút

Câu 28: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzim cảm ứng được hình thành ở pha

- A. tiềm phát.
- B. suy vong.
- C. cân bằng.
- D. lũy thừa.

Câu 29: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thừa chất độc hại thiếu ôxi.
- B. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.
- C. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại.
- D. thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại.

Câu 30: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì đầu của giảm phân I.
- B. kì đầu của giảm phân II.
- C. kì đầu của nguyên phân.
- D. kì cuối của giảm phân II.

SỐ SÈ: 638

Hà tên thí sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Ứng dụng nào sau đây **không phải** của sự tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Sản xuất axit amin
B. Sản xuất sinh khối
C. Sản xuất gốm sinh học.
D. **Cải thiện công nghiệp thuộc da**

Câu 2: Loại bào tử nào sau đây không phải là bào tử sinh sản của vi khuẩn?

- A. Bào tử hữu tính. B. Bào tử đốt. C. **Nội bào tử.** D. Ngoại bào tử.

Câu 3: Từ 3 tế bào ban đầu, trong đó có 2 tế bào đều trải qua 3 lần phân chia nguyên phân liên tiếp, còn tế bào thứ ba trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Tổng số tế bào con tạo ra là

- A. 17 tế bào con. B. 22 tế bào con. C. 64 tế bào con. D. **48 tế bào con.**

Câu 4: Việc làm tương, nước chấm là lợi dụng quá trình

- A. phân giải polisacarit. B. lên men rượu. C. lên men lactic. D. **phân giải prôtêin.**

Câu 5: Vi sinh vật quang dị dưỡng cần nguồn năng lượng và nguồn cacbon chủ yếu từ

- A. chất vô cơ và CO₂. B. chất hữu cơ. C. **ánh sáng và chất hữu cơ.** D. ánh sáng và CO₂.

Câu 6: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong, nhiều tế bào vi khuẩn bị chết và phân hủy vì

- A. thiếu chất dinh dưỡng thiếu ôxi.
B. thừa chất độc hại thiếu ôxi.
C. thiếu chất dinh dưỡng, thiếu ôxi, thừa chất độc hại.
D. **thiếu chất dinh dưỡng, thừa chất độc hại.**

Câu 7: Kiểu dinh dưỡng của vi khuẩn lam là

- A. hoá dị dưỡng. B. **quang tự dưỡng.** C. hoá tự dưỡng. D. quang dị dưỡng.

Câu 8: Trong điều kiện nuôi cấy không liên tục, enzim cảm ứng được hình thành ở pha

- A. **tiềm phát.** B. cân bằng. C. suy vong. D. lũy thừa.

Câu 9: Một nhóm tế bào vi khuẩn cùng loài, tiến hành phân bào trong thời gian 3 giờ 30 phút và đã tạo ra tổng số 640 tế bào mới. Biết rằng mỗi vi khuẩn đã phân bào được 7 lần. Số tế bào ban đầu của nhóm vi khuẩn là:

- A. **5** B. 4 C. 6 D. 7

Câu 10: Ở gà có bộ NST $2n = 78$. Một tế bào sinh dục sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 5. B. 4. C. 6. D. **7.**

Câu 11: Xem bức ảnh hiển vi chụp tế bào chuột đang phân chia thì thấy trong một tế bào có 19 NST, mỗi NST gồm 2 crômatit. Tế bào ấy đang ở

- A. kì đầu của giảm phân I. B. kì cuối của giảm phân II.
C. **kì đầu của giảm phân II.** D. kì đầu của nguyên phân.

Câu 12: Các yếu tố sinh trưởng là các chất hữu cơ

- A. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng tự tổng hợp được.
B. cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.
C. **cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật mà chúng không tự tổng hợp được.**
D. không cần cho sự sinh trưởng của vi sinh vật.

Câu 13: Tia tử ngoại có tác dụng

- A. tăng hoạt tính enzym.
B. làm tăng tốc độ các phản ứng sinh hoá trong tế bào vi sinh vật.
C. **gây đột biến hoặc gây chết các tế bào vi khuẩn.**
D. tham gia vào quá trình thủy phân trong tế bào vi khuẩn.

Câu 14: Một tế bào sinh tinh hoặc sinh trứng ở giai đoạn chín sẽ trải qua

- A. một lần giảm phân và một lần phân bào để tạo giao tử.
B. **một lần giảm phân gồm hai lần phân bào để tạo giao tử.**
C. hai lần giảm phân để tạo thành giao tử.
D. một số lần nguyên phân để tạo giao tử.

Câu 15: Cho : (1) Thoi phân bào xuất hiện. (2) Nhiễm sắc thể co ngắn cực đại và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo. (3) Màng nhân tiêu biến. (4) Thoi phân bào được dính vào 2 phía của nhiễm sắc thể ở tâm động. (5) Nhiễm sắc thể dần được co xoắn. (6) Các nhiễm sắc thể dần dần xoắn.

Những diễn biến của tế bào ở kì đầu của nguyên phân bao gồm

- A. 3, 4, 6 B. **1, 3, 5** C. 1, 3, 6 D. 2, 3, 4

Câu 16: Trong thời gian 100 phút, từ 1 tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của loài vi khuẩn trên là bao nhiêu ?

- A. 40 phút B. 60 phút C. 20 phút D. 120 phút

Câu 17: Một nhóm tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân đã tạo ra 512 tinh trùng. Số tế bào sinh tinh tham gia quá trình giảm phân trên là

- A. 128. B. 32. C. 16. D. 64.

Câu 18: Thời gian cần thiết để một tế bào vi sinh vật phân chia được gọi là

- A. Thời gian sinh trưởng B. Thời gian sinh trưởng và phát triển
C. Thời gian một thế hệ D. Thời gian tiềm phát

Câu 19: Mục đích của việc sử dụng môi trường nuôi cấy liên tục trong công nghệ nhằm

- A. tăng thời gian thế hệ của quần thể vi sinh vật.
B. hạn chế sinh trưởng của vi sinh vật.
C. thu nhiều sản phẩm và sinh khối tế bào vi sinh vật.
D. kéo dài pha suy vong của quần thể vi sinh vật.

Câu 20: Vi sinh vật kỵ khí không bắt buộc là các vi sinh vật

- A. sống trong môi trường có ít ôxi, chúng tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
B. sống trong môi trường có nồng độ ôxi thấp hơn nồng độ ôxi trong khí quyển, chúng hô hấp kỵ khí.
C. có thể sử dụng ôxi để hô hấp hiếu khí, khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.
D. không thể sử dụng ôxi để hô hấp, nhưng khi không có ôxi thì tiến hành lên men hoặc hô hấp kỵ khí.

Câu 21: Ở người ($2n = 46$), số NST trong 1 tế bào ở kì sau của nguyên phân là

- A. 46 NST kép. B. 23 NST đơn. C. 46 NST đơn. D. 92 NST đơn.

Câu 22: Tụ cầu vàng sinh trưởng được trong môi trường chứa nước, muối khoáng, nước thịt. Đây là loại môi trường

- A. tự nhiên. B. tổng hợp. C. bán tự nhiên. D. bán tổng hợp.

Câu 23: Trong kì trung gian giữa 2 lần phân bào rất khó quan sát NST vì

- A. các nhiễm sắc thể tương đồng chưa liên kết thành từng cặp.
B. nhiễm sắc thể tháo xoắn, tồn tại dưới dạng sợi rất mảnh.
C. nhiễm sắc thể chưa tự nhân đôi.
D. nhiễm sắc thể ra khỏi nhân và phân tán trong tế bào chất.

Câu 24: Quá trình nào sau đây không phải là ứng dụng lên men?

- A. Muối dưa, cà B. Làm sữa chua C. Tạo rượu D. Làm giấm

Câu 25: Trong nguyên phân, tế bào động vật phân chia chất tế bào bằng cách

- A. kéo dài màng tế bào.
B. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào.
C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào hoặc tạo vách ngăn.
D. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.

Câu 26: Một tế bào sinh dục đực, xét 3 cặp nhiễm sắc thể đồng dạng có kí hiệu AaBbDd, giả sử không có hiện tượng trao đổi chéo xảy ra. Trong thực tế tế bào này sẽ cho:

- A. 16 loại giao tử. B. 4 loại giao tử C. 8 loại giao tử D. 2 loại giao tử

Câu 27: Tại sao trâu bò đồng hóa được rơm rạ, cỏ giàu chất xơ?

- A. Vì trâu bò là động vật nhai lại.
B. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các vi sinh vật phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
C. Vì dạ cỏ của trâu bò có chứa các enzym phân giải chất xenlulôzơ, hemixenlulôzơ, pectin trong rơm rạ, cỏ.
D. Vì trong rơm rạ, cỏ có chứa nhiều vi sinh vật phân giải chất xơ.

Câu 28: Nhiệt độ ảnh hưởng đến

- A. hoạt tính enzym trong tế bào vi khuẩn.
B. sự hình thành ATP trong tế bào vi khuẩn.
C. tốc độ các phản ứng sinh hóa trong tế bào vi sinh vật.
D. tính dễ thấm qua màng tế bào vi khuẩn.

Câu 29: Sản phẩm của quá trình lên men lactic dị hình là

- A. axit lactic, etanol, axit axetic, CO_2 . B. axit lactic và O_2 .
C. axit lactic, O_2 và CO_2 . D. axit lactic và CO_2 .

Câu 30: Vi sinh vật nguyên dưỡng là vi sinh vật tự tổng hợp được tất cả các chất

- A. chuyển hoá sơ cấp. B. cần thiết cho sự sinh trưởng.
C. chuyển hoá thứ cấp. D. chuyển hoá sơ cấp và thứ cấp.